

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN THÀNH CÔNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG IREAL ESTATE SERVICES CONSULTANCY AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109269383

3. Ngày thành lập: 15/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, tòa nhà HUD3 Tower, số 121-123 Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Thiết kế kiến trúc công trình + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp + Thiết kế cấp – thoát nước công trình + Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	7110
2.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị năng lượng tái tạo, các thiết bị năng lượng mặt trời	2790
3.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời	3511
4.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
5.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
6.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
7.	Chăn nuôi khác (Loại trừ nuôi côn trùng)	0149
8.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

10.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
11.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
12.	Tái chế phế liệu	3830
13.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
14.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
15.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
18.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới; Tư vấn và Quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6820
22.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ loại cấm)	4649
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại cấm)	4669
25.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
26.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
27.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
28.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	7020
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ loại cấm)	4784
49.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
51.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4789
52.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9, Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế; Điều 14- Luật an toàn thực phẩm năm 2010)	4632
53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4773
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
62.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
63.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

64.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
65.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ hoạt động hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
70.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
71.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
72.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
73.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
75.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
76.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
77.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
78.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN BẮC	Thôn Nam Cầu, Xã Phạm Trấn, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	59.000.000	590.000.000.000	59,000	142117443	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	59.000.000	590.000.000.000	59,000		
2	NGUYỄN VĂN TUẤN	Số nhà 26, tổ 2, khu 1, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	2,000	101323881	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.000.000	20.000.000.000	2,000		

3	TRẦN KẾ THÀNH	100 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	39.000. 000	390.000.000.00 0	39,000	023782883
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	39.000. 000	390.000.000.00 0	39,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142117443

Ngày cấp: 24/04/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Cầu, Xã Phạm Trán, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nam Cầu, Xã Phạm Trán, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội